

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRÀ ÔN  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 22/11/2021

V/v tranh chấp ly hôn  
và nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN - TỈNH VĨNH LONG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Nga

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Thạch Thị Thanh Duyên

Ông Nguyễn Trọng Khôi

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Nguyễn Mộng Cẩm – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa:***  
Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 237/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2021, về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị **Hà Trúc L**, sinh năm 1995 (Vắng mặt).

Địa chỉ ấp N, xã H, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long

Tạm trú khu phố B, phường G, thị xã A, tỉnh Bình Dương.

***- Bị đơn:*** Anh **Trần Phước D**, sinh năm 1989 (Vắng mặt).

Địa chỉ ấp N, xã H, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai cùng ngày 11/3/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hà Trúc L trình bày: Chị và anh Trần Phước D thành hôn vào năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Ô ngày 19/9/2017. Thời gian vợ chồng chung

sống được hơn 03 năm lúc đầu có hạnh phúc, sau thường phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau nên đã cắt đứt quan hệ khoảng 01 năm nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống, chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Phước D. Về con chung, chị và anh D có 02 con chung tên Trần Nguyệt Q, sinh ngày 12/8/2012 và Trần T, sinh ngày 28/7/2018 hiện đang sống chung với chị. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con, không yêu cầu anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Trần Phước D đã được Toà án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Toà án.

Tại phiên Tòa:

Nguyên đơn chị Hà Trúc L vắng mặt có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn anh Trần Phước D vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện cơ bản đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến, không có mặt theo giấy triệu tập của Toà án nhiều lần là vi phạm quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án:

Đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho chị Hà Trúc L ly hôn với anh Trần Phước D.

- Về con chung: Giao hai con chung tên Trần Nguyệt Q, sinh ngày 12/8/2012 và Trần T, sinh ngày 28/7/2018 cho chị Hà Trúc L tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Trần Phước D không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị buộc chị Hà Trúc L có nghĩa vụ nộp 300.000đ án phí ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự có mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Hà Trúc L có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Trần Phước D đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[1.2] Về xác định chứng cứ: Bị đơn anh Trần Phước D đã nhận được bản sao các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp cho Tòa án và được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối bằng văn bản về những tình tiết, sự kiện nguyên đơn đã trình bày trong đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án, do đó nguyên đơn không phải chứng minh. Hội đồng xét xử xác định đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Hà Trúc L và anh Trần Phước D thành hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Ô ngày 19/9/2017 nên xem đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Quá trình chung sống, chị Hà Trúc L trình bày thời gian vợ chồng chung sống thường phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm và vợ chồng đã cắt đứt quan hệ khoảng 01 năm nay. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án triệu tập chị Hà Trúc L và anh Trần Phước D đến tham gia phiên hoà giải nhằm giúp đỡ chị L, anh D đoàn tụ nhưng chị L có văn bản đề nghị vắng mặt, anh D vắng mặt không lý do. Chứng tỏ, chị L anh D không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của chị L, anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân

không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Hà Trúc L là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Giữa chị Hà Trúc L và anh Trần Phước D có 02 con tên Trần Nguyệt Q, sinh ngày 12/8/2012 và Trần T, sinh ngày 28/7/2018 hiện đang sống chung với chị L, chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi chị L anh D cắt đứt quan hệ vợ chồng, 02 con chung sống chung với chị L cuộc sống cháu vẫn đảm bảo và cháu Nguyệt Q có nguyện vọng sống chung với mẹ. Mặc khác, anh D đã nhận được bản pho to tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp cho Tòa án và các văn bản tố tụng Tòa án tổng đạt nhưng anh D không có ý kiến gì về việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do đó, Hội đồng xét xử cần giao 02 con chung tên Trần Nguyệt Q, sinh ngày 12/8/2012 và Trần T, sinh ngày 28/7/2018 cho chị Hà Trúc L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con, chị Hà Trúc L là người đang trực tiếp nuôi con nhưng không yêu cầu anh Trần Phước D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn chị Hà Trúc L, anh Trần Phước D không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Hà Trúc L có nghĩa vụ nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hà Trúc L.
2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hà Trúc L được ly hôn với anh Trần Phước D.
3. Về con chung: Giao 02 con chung tên Trần Nguyệt Q, sinh ngày 12/8/2012 và Trần T, sinh ngày 28/7/2018 cho chị Hà Trúc L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh Trần Phước D không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.
4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn chị Hà Trúc L nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0017027 ngày 11/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, chị L đã nộp đủ.
5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.
6. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện ;
- Chi cục Thi hành án huyện;
- Ủy ban nhân dân xã H (GCNKH số 79, QS I, ngày 19/9/2017;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Thu Nga**